

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI PHÁT TRIỂN PHÚC VẠN LỘC

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ
CƠ SỞ CHĂM SÓC Ô TÔ PHÚC VẠN LỘC

Châu Thành, tháng 7 năm 2023

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI PHÁT TRIỂN PHÚC VẠN LỘC

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ
CƠ SỞ CHĂM SÓC Ô TÔ PHÚC VẠN LỘC

CHỦ CƠ SỞ



Nguyễn Văn Đình

ĐƠN VỊ TƯ VẤN



Mã Hữu Phước

Châu Thành, tháng 7 năm 2023

MỤC LỤC

	Trang
MỤC LỤC.....	1
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT.....	3
DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU	4
DANH MỤC CÁC HÌNH.....	5
CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	6
1.1. Tên chủ cơ sở	6
1.2. Tên cơ sở	6
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở	7
1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở.....	7
1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở	7
1.3.3. Sản phẩm của cơ sở.....	8
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.....	8
1.4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu của cơ sở	8
1.4.2. Nhu cầu sử dụng điện, nước	8
1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở	9
1.5.1. Các hạng mục công trình của cơ sở	9
1.5.2. Tổng vốn đầu tư của cơ sở, nhu cầu sử dụng lao động và thời gian hoạt động của cơ sở.....	10
CHƯƠNG II SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	11
2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường, phân vùng môi trường, các quy định tại địa phương.....	11
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	11
CHƯƠNG III KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	13
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải ...	13
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa.....	13
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải.....	13
3.1.3. Xử lý nước thải	14
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	17
3.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	17

3.3.1. Công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt	17
3.3.2. Công trình xử lý, lưu giữ chất thải rắn công nghệ thông thường	17
3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	18
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động tiếng ồn	19
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	19
3.6.1. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn lao động.....	19
3.6.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ.....	19
CHƯƠNG IV NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG .20	
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải.....	20
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.....	20
CHƯƠNG V KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	22
5.1. Thành phần môi trường quan trắc của cơ sở.....	22
5.2. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo.....	22
CHƯƠNG VI CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	25
6.1. Chương trình quan trắc chất thải	25
6.1.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....	25
6.1.2. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ khác	25
6.2. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm	25
CHƯƠNG VII KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ.....	27
7.1. Kết quả kiểm tra công tác bảo vệ môi trường.....	27
7.2. Biện pháp khắc phục.....	27
CHƯƠNG VIII CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	28
PHẦN PHỤ LỤC MỘT SỐ GIẤY TỜ, BẢN VẼ CÓ LIÊN QUAN KÈM THEO	Error! Bookmark not defined.
PHẦN PHỤ LỤC 1 VĂN BẢN PHÁP LÝ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CƠ SỞ.....	Error! Bookmark not defined.
PHẦN PHỤ LỤC 2 KẾT QUẢ QTMT THỜI ĐIỂM LẬP BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GPMT	Error! Bookmark not defined.
PHẦN PHỤ LỤC 3 MỘT SỐ BẢN VẼ CÓ LIÊN QUAN.....	Error! Bookmark not defined.

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

Ký hiệu	Diễn giải
BOD	Nhu cầu oxy sinh hóa
BVMT	Bảo vệ môi trường
COD	Nhu cầu oxy hóa học
CNĐK	Chứng nhận đăng ký
CTNH	Chất thải nguy hại
CTR	Chất thải rắn
CTRSH	Chất thải rắn sinh hoạt
CTRCNTT	Chất thải rắn công nghiệp thông thường
GPMT	Giấy phép môi trường
HTXLNT	Hệ thống xử lý nước thải
NĐ- CP	Nghị định chính phủ
NT	Nước thải
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia
QTMT	Quan trắc môi trường
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TN&MT	Tài nguyên và môi trường
TSS	Tổng chất rắn lơ lửng
UBND	Ủy ban nhân dân
XLNT	Xử lý nước thải

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Bảng 1.1: Nhu cầu sử dụng nguyên, vật liệu và nguồn cung cấp tại cơ sở	8
Bảng 1.2: Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước của cơ sở	9
Bảng 1.3: Tổng hợp các hạng mục công trình tại cơ sở.....	9
Bảng 3.1: Thành phần và khối lượng phát sinh CTCNTT	17
Bảng 3.2: Thành phần và khối lượng phát sinh CTNH	18
Bảng 4.1: Các chất ô nhiễm, giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải đề nghị cấp phép	20
Bảng 4.2: Giá trị giới hạn của tiếng ồn đề nghị cấp phép.....	21
Bảng 5.1: Số lượng mẫu môi trường tại cơ sở	22
Bảng 5.2: Kết quả quan trắc môi trường nước thải.....	22
Bảng 5.3: Kết quả chất lượng môi trường nền không khí và tiếng ồn khu vực bên trong cơ sở.....	23
Bảng 5.4: Kết quả chất lượng môi trường nền không khí và tiếng ồn khu vực trước cổng cơ sở	24
Bảng 6.1. Chi phí quan trắc môi trường định kỳ hàng năm của cơ sở	26

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 1.1: Sơ đồ vị trí cơ sở trên bản đồ vệ tinh.....	6
Hình 1.2: Quy trình dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa tại cơ sở	7
Hình 3.1: Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa chảy tràn tại cơ sở.....	13
Hình 3.2: Sơ đồ xử lý nước thải sinh hoạt tại cơ sở.....	14
Hình 3.3: Sơ đồ mặt bằng, mặt cắt hầm tự hoại 03 ngăn.....	15
Hình 3.4: Quy trình xử lý nước rửa xe tại cơ sở	16

CHƯƠNG I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. Tên chủ cơ sở

- Tên cơ sở: Công ty TNHH Thương mại phát triển Phúc Vạn Lộc.
- Địa chỉ cơ sở: Ấp Chăng Mật, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.
- Đại diện: (Ông) Nguyễn Văn Đình Chức vụ: Giám đốc
- Điện thoại: 0982444715
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2100653623 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp, đăng ký lần đầu ngày 10/02/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 17/06/2022.

1.2. Tên cơ sở

CƠ SỞ CHĂM SÓC Ô TÔ PHÚC VẠN LỘC

- Địa điểm cơ sở: cơ sở được thực hiện trên khu đất có diện tích 431,9 m² thuộc thửa đất số 242 và thửa đất số 243 tờ bản đồ số 16 tại ấp Chăng Mật, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Tứ cận tiếp giáp của cơ sở được mô tả như sau:

- + Phía Tây Bắc: giáp Quốc lộ 53;
- + Phía Đông Bắc: giáp đất trống của nhà dân;
- + Phía Đông Nam: giáp nhà dân;
- + Phía Tây Nam: giáp nhà dân.

Sơ đồ vị trí cơ sở trên bản đồ vệ tinh được thể hiện như sau:



Hình 1.1: Sơ đồ vị trí cơ sở trên bản đồ vệ tinh

- Quy mô của cơ sở:
 - + Theo luật Đầu tư công: Căn cứ theo Điểm đ, Khoản 5, Điều 8 và Khoản 4, Điều 10 của Luật đầu tư công số 39/2019/QH14, cơ sở có vốn đầu tư 2 tỷ đồng (*Hai tỷ đồng*): thuộc nhóm C.
 - + Theo Luật Bảo vệ Môi trường:
 - Căn cứ theo mục số 2, Phụ lục V Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ thì cơ sở thuộc nhóm III.
 - Căn cứ Khoản 2, Điều 39 và Khoản 4, Điều 41, thì cơ sở thuộc đối tượng phải lập Báo cáo đề xuất cấp GPMT trình phòng TN&MT huyện Châu Thành thẩm định và tham mưu UBND huyện Châu Thành cấp phép.

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

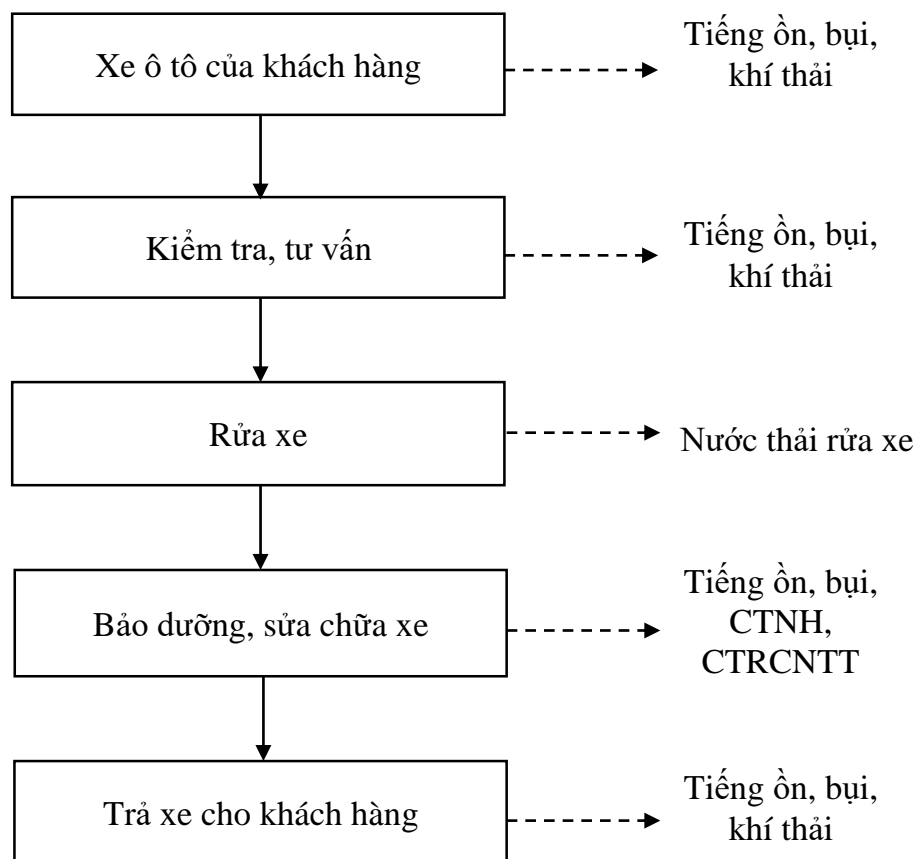
1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

Công suất hoạt động của cơ sở là dịch vụ bảo dưỡng và sửa chữa xe ô tô với số lượng khoảng 156 chiếc/tháng.

1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Loại hình hoạt động của cơ sở là dịch vụ bảo dưỡng và sửa chữa xe nhỏ. Quy trình hoạt động của cơ sở được thể hiện qua hình sau:

Quy trình dịch vụ bảo dưỡng và sửa chữa xe ô tô:



Hình 1.2: Quy trình dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa tại cơ sở

Thuyết minh quy trình:

Xe ô tô của khách hàng đến liên hệ sẽ được nhân viên kỹ thuật kiểm tra và tư vấn. Sau khi kiểm tra, nhân viên kỹ thuật sẽ trao đổi với khách hàng về những công việc sẽ thực hiện và thời gian giao trả xe cho khách. Khi khách hàng có yêu cầu rửa xe trước khi bảo dưỡng, xe được nhân viên mang đến khu vực rửa xe được bố trí tại cơ sở, xe sau khi rửa xong sẽ được nhân viên kỹ thuật đưa vào khu kỹ thuật để tiến hành bảo dưỡng và sửa chữa theo yêu cầu của khách hàng. Hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa tại cơ sở bao gồm: thay nhớt xe, nâng cấp, phục hồi thay thế các bộ phận, máy móc hư hỏng, thay kính chiếu hậu, lốp xe,... . Xe sau bảo dưỡng, sửa chữa sẽ được giao lại cho khách hàng theo như thời gian hẹn và khách hàng sẽ hoàn tất các thủ tục cần thanh toán.

1.3.3. Sản phẩm của cơ sở

Sản phẩm của cơ sở là số lượng xe ô tô đến bảo bảo dưỡng, sửa chữa với số lượng khoảng 156 chiếc/tháng.

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở**1.4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu của cơ sở**

Hoạt động sản xuất của cơ sở cần sử dụng nguyên liệu là các phụ tùng được nhập về từ các công ty uy tín tại Việt Nam. Chủ cơ sở cam kết đầy đủ các hóa đơn, chứng từ tại cơ sở là hợp pháp và đúng quy định của pháp luật. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu tại cơ sở cụ thể như sau:

Bảng 1.1: Nhu cầu sử dụng nguyên, vật liệu và nguồn cung cấp tại cơ sở

Stt	Tên nguyên liệu	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
1	Nhớt động cơ	Lít/tháng	40	CÔNG TY CP AXCL VIETNAM
2	Nhớt cầu hộp số	Lít/tháng	5	
3	Lốp xe	Cái/tháng	20	
4	Lọc nhiên liệu, lọc lạnh, lọc dầu nhớt,...	Cái/tháng	60	Hồ Chí Minh

(Nguồn: Công ty TNHH thương mại phát triển Phúc Vạn Lộc, 2023)

1.4.2. Nhu cầu sử dụng điện, nước**Nhu cầu sử dụng điện:**

- Theo hóa đơn tiền điện 3 tháng gần nhất, nhu cầu sử dụng điện cho toàn cơ sở khoảng 1.287 kWh/tháng, phục vụ cho các hoạt động chiếu sáng tại cơ sở. Nguồn cung cấp từ mạng điện lưới quốc gia do Điện lực Châu Thành quản lý.

- Tại cơ sở không trang bị máy phát điện dự phòng.

Nhu cầu sử dụng nước:

Theo thực tế, khối lượng nước tiêu thụ tại cơ sở khoảng 1,83 m³/ngày, sử dụng cho các mục đích: sản xuất, sinh hoạt, cụ thể như sau:

- Hoạt động sản xuất: sử dụng nước cho hoạt động rửa xe (theo yêu cầu của khách hàng đến bảo dưỡng) với khối lượng khoảng 1,29 m³/ngày.
- Hoạt động sinh hoạt: sử dụng cho các hoạt động sinh hoạt của công nhân, với khối lượng nước tiêu thụ khoảng 0,5 m³/ngày.
- Công tác PCCC: phụ thuộc vào quy mô đám cháy mà lượng nước sử dụng để phục vụ cho công tác ứng cứu là khác nhau. Theo QCVN 06:2022/BXD, trong trường hợp có cháy nhu cầu sử dụng nước tối thiểu là 10 lít/s và không nhỏ hơn 3 giờ.

Bảng 1.2: Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước của cơ sở

Stt	Nhu cầu sử dụng	Đơn vị tính	Khối lượng	Nguồn cung cấp
1	Hoạt động sản xuất	m ³ /ngày	1,29	Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn
2	Hoạt động sinh hoạt	m ³ /ngày	0,5	
Tổng		m³/ngày	1,79	

(Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp, 2023)

1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

1.5.1. Các hạng mục công trình của cơ sở

Cơ sở được xây dựng trên tổng diện tích 431,9 m² với các hạng mục công trình như sau:

Bảng 1.3: Tổng hợp các hạng mục công trình tại cơ sở

Stt	Hạng mục	Đơn vị tính	Quy mô	Tỷ lệ (%)
I	Hạng mục công trình chính	m²	255	59
1	Khu vực rửa xe + bảo dưỡng xe	m ²	81	19
2	Khu vực trưng bày + Văn phòng	m ²	48	11
3	Khu nhà ở	m ²	126	29
II	Hạng mục công trình phụ trợ	m²	167,54	38,8
1	Đường giao thông nội bộ, đất trống	m ²	167,54	38,8

Stt	Hạng mục	Đơn vị tính	Quy mô	Tỷ lệ (%)
2	Hệ thống thông tin liên lạc, camera giám sát	HT	-	-
3	Hệ thống cấp nước	HT	-	-
III	Hạng mục công trình bảo vệ môi trường	m²	9,36	2,2
1	Nhà vệ sinh	m ²	3	0,7
2	Hệ thống thu gom, thoát nước mưa	m ²	-	-
3	Hệ thống xử lý nước thải rửa xe	m ²	2,36	0,55
4	Khu vực chứa CTRCNTT	m ²	2	0,46
5	Khu vực chứa CTNH	m ²	2	0,46
Tổng cộng (I+II+III)		m²	431,9	100

(Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp, 2023)

1.5.2. Tổng vốn đầu tư của cơ sở, nhu cầu sử dụng lao động và thời gian hoạt động của cơ sở

- Tổng vốn đầu tư của cơ sở là 2 tỷ đồng (*Bằng chữ: Hai tỷ đồng*), bằng vốn tự có của chủ cơ sở.
- Thời gian hoạt động của cơ sở: thời gian làm việc 7 ngày/tuần với số ca làm việc là 01 ca/ngày (ca từ 7h30 giờ đến 17 giờ).
- Số lượng lao động tại cơ sở là 5 người, chủ cơ sở chịu trách nhiệm quản lý và điều hành trực tiếp các hoạt động tại cơ sở.

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường, phân vùng môi trường, các quy định tại địa phương

- Cơ sở hoạt động góp phần thúc đẩy phát triển ngành thương mại - dịch vụ trong tỉnh, đa dạng hóa nguồn cung ứng các sản phẩm hàng hóa, phù hợp với định hướng phát triển thương mại - dịch vụ trong nước theo Quyết định số 1163/QĐ-TTg ngày 13/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chiến lược “Phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”. Ngoài ra, cơ sở hoạt động còn góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương, hoàn toàn phù hợp với Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh về Nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Trà Vinh năm 2023.

- Về vị trí của cơ sở: cơ sở được thực hiện trên tổng diện tích 431,9 m², thuộc thửa đất số 242 và thửa đất số 243 tờ bản đồ số 16 tại ấp Chăng Mật, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, là đất trồng cây hàng năm. Chủ cơ sở cam kết thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất để phù hợp với loại hình của cơ sở trong năm 2024.

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Dựa theo loại hình hoạt động của cơ sở, các nguồn tác động phát sinh trong quá trình vận hành chủ yếu là tiếng ồn, độ rung, bụi, khí thải, nước thải và chất thải rắn. Cụ thể:

- Tiếng ồn, độ rung, bụi và khí thải: phát sinh từ các hoạt động của các phương tiện ra vào cơ sở và hoạt động của máy móc, thiết bị. Nồng độ ô nhiễm của các nguồn tác động này là không lớn nên hầu như không làm ảnh hưởng đến khả năng chịu tải của môi trường không khí tại khu vực.

- Nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt: phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên với tổng lượng phát sinh khoảng 0,4 m³/ngày, được xử lý bằng hầm tự hoại 03 ngăn, nước thải sinh hoạt được lưu chứa trong hầm tự hoại, định kỳ thuê đơn vị có chức năng đến hút bùn cặn trong hầm tự hoại.

+ Nước thải rửa xe: phát sinh từ hoạt động rửa xe tại cơ sở với khối lượng 1,29 m³/ngày, được xử lý qua hố lắng và hố lọc, nước thải rửa xe sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận.

- Đối với chất thải rắn:

+ CTRSH: phát sinh tại cơ sở sẽ được thu gom và hợp đồng thuê đơn vị thu gom rác tại địa phương để thu gom, vận chuyển và xử lý, không để phát tán ra môi trường xung quanh.

+ CTRCNTT: phát sinh từ hoạt động bảo dưỡng xe tại cơ sở, thành phần chủ yếu là các chi tiết máy không nhiễm thành phần nguy hại; được thu gom, phân loại thành loại có thể tái sử dụng và không thể tái sử dụng, loại không thể tái sử dụng định kỳ bán phế liệu, không phát tán ra bên ngoài.

+ CTNH: phát sinh chủ yếu từ hoạt động bảo dưỡng xe tại cơ sở, chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

Vì vậy, cơ sở đi vào hoạt động là hoàn toàn phù hợp với quy hoạch tại địa phương và khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận tại khu vực thực hiện cơ sở.

CHƯƠNG III

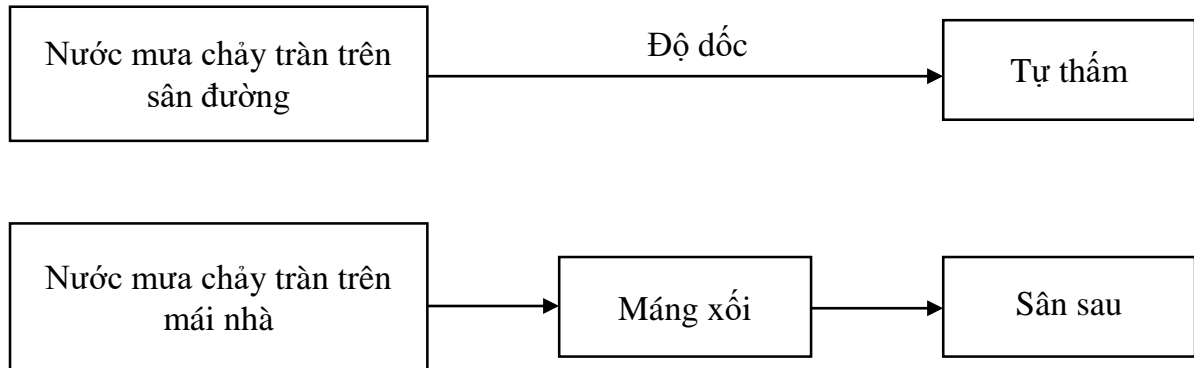
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Hệ thống thu gom, thoát nước mưa tại cơ sở

Hình thức thu gom và thoát nước mưa chảy tràn tại cơ sở đang áp dụng được mô tả như sau:



Hình 3.1: Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa chảy tràn tại cơ sở

Thuyết minh quy trình

- Nước mưa chảy tràn trên mái nhà được thu gom bằng máng xối có chất liệu tole kích thước 10x15 cm bố trí dọc theo phía sau mái nhà. Nước mưa từ máng xối sẽ được dẫn xuống đất qua đường ống nhựa PVC Ø90 và thoát ra sân đất trồng phía sau nằm trong khuôn viên cơ sở.

- Nước mưa chảy tràn trên sân đường nội bộ sẽ chảy theo độ dốc mặt đường và tụ thắm.

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

a. Công trình thu gom, thoát nước thải sinh hoạt

Công trình thu gom nước thải sinh hoạt của cơ sở được mô tả như sau:

- Công trình thu gom: nhà vệ sinh, diện tích là 3 m², kết cấu tường bao, nền lát gạch.

- Công trình thoát nước thải: nước thải sinh được chứa trong hầm tự hoại với thể tích lưu chứa khoảng 1,25 m³, định kỳ thuê đơn vị có chức năng đến hút cặn bùn trong hầm tự hoại, tần suất 06 tháng/lần.

- Điểm xả nước thải sau xử lý: Vị trí xả thải: lượng nước thải phát sinh sau xử lý qua hầm tự hoại thoát ra cống thoát nước chung theo tọa độ theo tọa độ: X(m)= 1097711 và Y(m)= 595029 (hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 105⁰30, múi chiều 3⁰), ấp Chăng Mật, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

b. Công trình thu gom, thoát nước thải sản xuất

Nước thải sản xuất tại cơ sở phát sinh từ hoạt động rửa xe có hàm lượng cặn lơ lửng cao (chủ yếu là cát, đất) và một lượng nhỏ dầu nhờn với khối lượng nước thải phát sinh khoảng 1,29 m³/ngày.

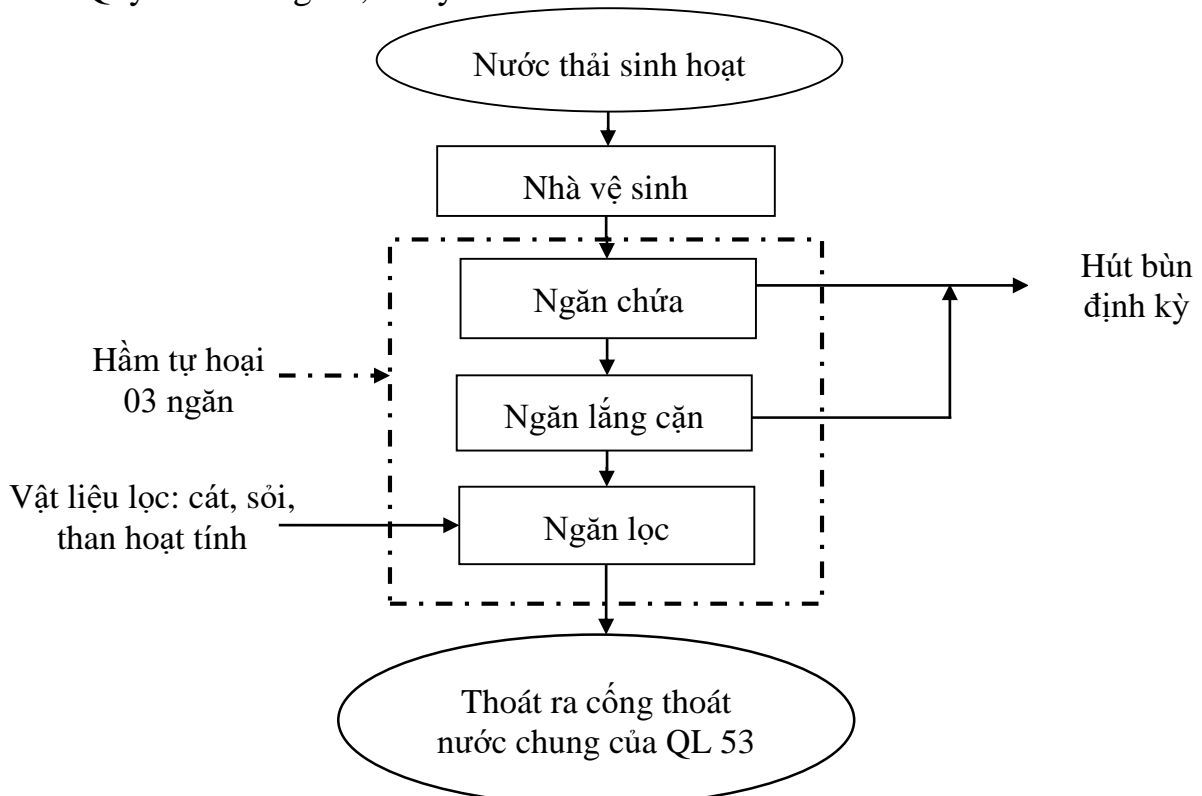
- Công trình thu gom: nước thải phát sinh từ hoạt động rửa xe, chủ cơ sở đã xây dựng hồ thu gom bên dưới khu vực rửa xe để thu gom nước thải.
- Công trình thoát nước: nước thải sản xuất sau khi qua hệ thống xử lý sẽ thoát ra cống thoát nước chung theo hình thức tự thấm.
- Điểm xả nước thải sau xử lý: lượng nước thải sau xử lý thoát ra cống thoát nước chung theo tọa độ: X(m)= 1097711 và Y(m)= 595029 (hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 105^o30, múi chiếu 3^o), ấp Chăng Mật, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

3.1.3. Xử lý nước thải

a. Nước thải sinh hoạt

- Nước thải sinh hoạt của công nhân tại cơ sở phát sinh từ nhà vệ sinh với khối lượng khoảng 0,4 m³/ngày.đêm.
- Tại cơ sở có 01 nhà vệ sinh cùng với 01 hầm tự hoại với thể tích là 1,25 m³.
- Quy mô xây dựng: 3 m².
- Công suất xử lý: 0,4 m³/ngày.
- Công nghệ xử lý: công nghệ xử lý sinh học yếm khí.

Quy trình thu gom, xử lý nước thải như sau:



Hình 3.2: Sơ đồ xử lý nước thải sinh hoạt tại cơ sở

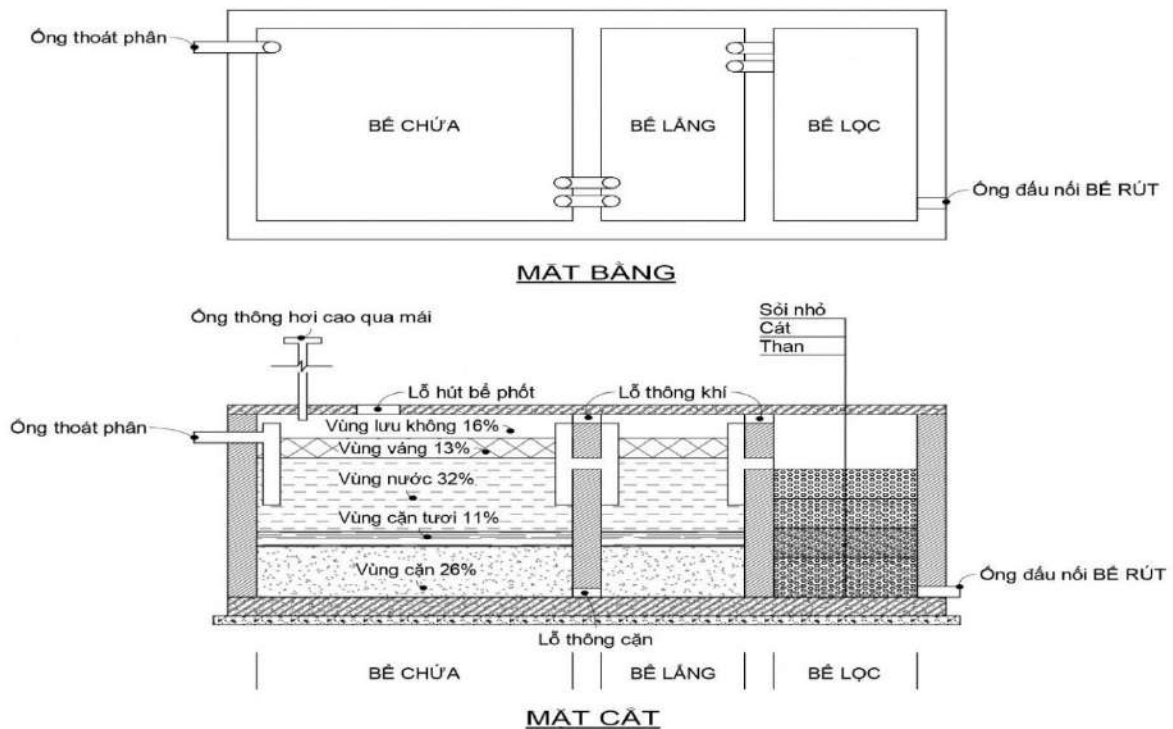
Thuyết minh quy trình

- Nước thải sinh hoạt được thu gom từ nhà vệ sinh sẽ dẫn xuống hầm tự hoại 03 ngăn để xử lý. Tại đây nước thải đi qua lần lượt các ngăn trong hầm, các chất cặn lơ lửng dần dần lắng xuống đáy hầm. Hầm tự hoại 03 ngăn là công trình xử lý thực hiện ba chức năng là: lắng cặn – phân hủy cặn – lọc nước. Trong hầm tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng lượng khí sinh ra trong quá trình lên men kỵ khí và để thông các ống đầu vào, đầu ra khi bị nghẹt. Cấu tạo bên trong của bể tự hoại gồm có 03 ngăn: ngăn chứa chất thải, ngăn lắng, ngăn lọc. Vai trò của từng ngăn như sau:

+ Ngăn chứa chất thải: có kích thước lớn nhất, chiếm ½ dung tích bể. Bởi đây là nơi trực tiếp chứa chất thải từ sinh hoạt. Khi xả nước, chất thải theo đường ống trôi xuống ngăn chứa, đợi các vi sinh vật phân hủy thành bùn cặn lắng xuống đáy. Ngoài ra, những chất thải khó phân hủy sẽ được chuyển tới ngăn xử lý tiếp theo;

+ Ngăn lắng: dùng để tiếp tục lắng cặn xử lý những chất thải rắn khó phân hủy và có kích thước nhỏ hơn trôi từ ngăn đầu tiên qua. Tại ngăn lắng cũng xảy ra quá trình phân hủy kỵ khí để tiếp tục xử lý chất ô nhiễm có trong nước thải;

+ Ngăn lọc: chứa một số vật liệu lọc thông dụng như than hoạt tính, cát, sỏi nhằm loại bỏ cặn lơ lửng khó lắng và khử mùi.



Hình 3.3: Sơ đồ mặt bằng, mặt cắt hầm tự hoại 03 ngăn

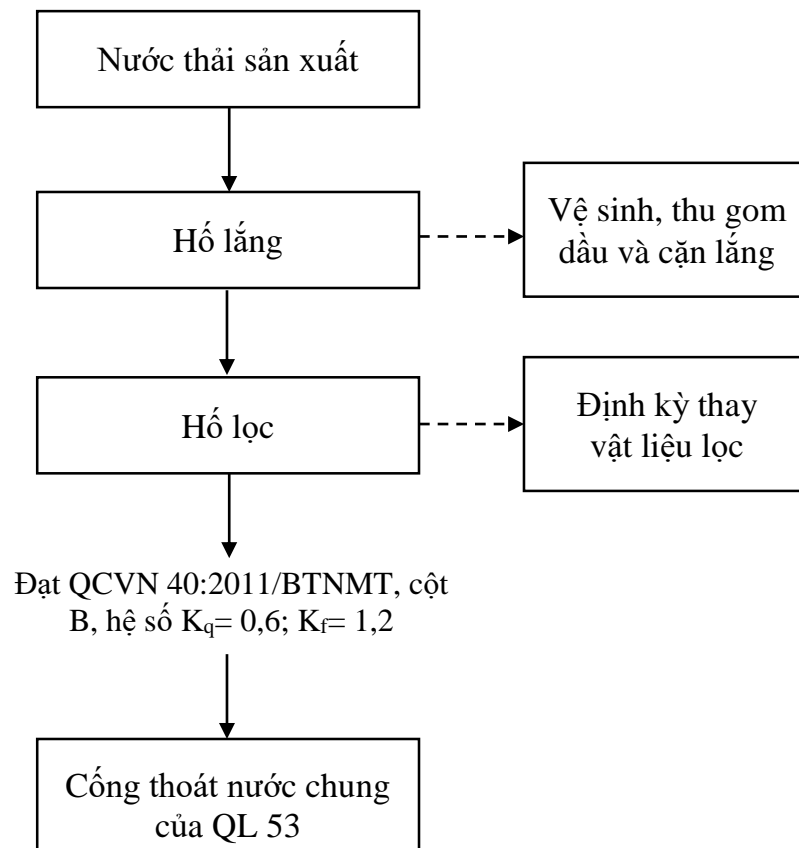
Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở tương đối ít, được lưu chứa trong hầm tự hoại, trường hợp nước thải trong hầm tự hoại đầy sẽ thoát ra môi trường bên ngoài theo hình thức tự thấm. Để tăng hiệu quả xử lý của hầm tự hoại, chủ cơ sở định kỳ sẽ bổ sung chế phẩm sinh học và thuê đơn vị chức năng hút bùn, cặn lắng trong hầm với tần suất 06 tháng/lần.

b. Nước thải sản xuất

Khối lượng nước thải sản xuất phát sinh tại cơ sở khoảng 1,29 m³/ngày, phát sinh từ hoạt động rửa xe. Nước thải rửa xe tại cơ sở được xử lý phương pháp vật lý. Quy mô công trình xử lý nước thải sản xuất tại cơ sở như sau:

- Quy mô xây dựng: 2,36 m².
- Công suất xử lý: 1,29 m³/ngày.
- Công nghệ xử lý: phương pháp vật lý.

Quy trình xử lý nước thải được thể hiện như sau:



Hình 3.4: Quy trình xử lý nước rửa xe tại cơ sở

Thuyết minh quy trình:

Nước thải rửa xe được thu gom và dẫn sang các hố và xử lý như sau:

- Bên dưới khu vực rửa xe, chủ cơ sở xây dựng hố thu gom để thu gom nước thải từ hoạt động rửa xe.
- Hố lắng: nước thải thu được sẽ chảy về hố lắng, có kích thước: dài x rộng x cao = 0,6x0,6x1 (m) để lắng phần cặn lơ lửng trong nước, một phần dầu nhớt sẽ nổi lên trên bề mặt. Lượng dầu nhớt trên bề mặt sẽ được công nhân thu gom định kỳ để không tràn vào hố phía sau.
- Hố lọc: nước thải sau hố lắng sẽ chảy về hố lọc, có kích thước: dài x rộng x cao = 1x2x1 (m), tại đây nước thải qua các lớp vật liệu lọc các chất ô nhiễm có

trong nước thải sẽ được hấp phụ trên bề mặt các vật liệu lọc. Định kỳ các vật liệu lọc này sẽ được thay mới để đảm bảo hiệu suất xử lý.

Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B và thoát ra công thoát nước chung tại QL 53.

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện ra vào cơ sở và hoạt động bảo dưỡng xe. Một số biện pháp để giảm thiểu bụi, khí thải được áp dụng như sau:

- Tất cả phương tiện vận chuyển ra vào cơ sở phải được đăng kiểm đúng quy định, chở đúng tải trọng cho phép;
- Yêu cầu các phương tiện đến cơ sở tắt máy trong thời gian chờ;
- Thường xuyên quét dọn bề mặt sân đường, vệ sinh sạch sẽ khu vực cơ sở, tưới nước sân đường vào những ngày nắng nóng;
- Bố trí cây xanh trong khuôn viên vừa cải thiện môi trường vừa tăng mỹ quan cho khu vực cơ sở;
- Bố trí khu vực đỗ xe cho các phương tiện vận chuyển, khách hàng ra vào trong khuôn viên cơ sở;
- Trang bị khẩu trang, bảo hộ lao động, găng tay,... cho công nhân làm việc.

3.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.3.1. Công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thành phần và khối lượng phát sinh: khối lượng CTRSH phát sinh khoảng 2,0 kg/ngày tương đương khoảng 60kg/tháng; từ các hoạt động sinh hoạt hằng ngày của công nhân trong cơ sở với thành phần bao gồm: vỏ đồ hộp, chai nhựa, thực phẩm dư thừa, rau củ, quả,...
- Biện pháp thu gom, lưu giữ và xử lý: bố trí 01 thùng chứa CTRSH để thu gom và lưu chứa CTRSH hằng ngày, loại 240 lít, có nắp đậy, chất liệu bằng nhựa HDPE để thu gom và lưu chứa CTRSH hàng ngày. Thùng chứa CTRSH được bố trí ở phía bên ngoài cổng của cơ sở để thuận tiện cho đơn vị thu gom và vận chuyển.
- Tần suất thu gom rác là 01 lần/ngày, cơ sở hợp đồng với đơn vị thu gom rác tại địa phương để thu gom rác thải sinh hoạt theo đúng quy định.

3.3.2. Công trình xử lý, lưu giữ chất thải rắn công nghệ thông thường

Thành phần và khối lượng phát sinh: CTRCNTT phát sinh chủ yếu là bu lông, ốc vít, gương chiếu hậu, lốp xe, phụ tùng hư hỏng,... không nhiễm các thành phần nguy hại với thành phần và khối lượng phát sinh được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 3.1: Thành phần và khối lượng phát sinh CTRCNTT

Stt	Thành phần	Khối lượng (kg/tháng)	Khối lượng (kg/năm)
1	Bu lông, ốc, gương chiếu hậu, lốp xe,...	5,0	60
2	Phụ tùng hư hỏng, các chi tiết máy (không nhiễm thành phần nguy hại)	7,0	84
Tổng cộng (1+2)		12,0	144

(Nguồn: Công ty TNHH Thương mại phát triển Phúc Vạn Lộc, 2023)

- Biện pháp thu gom, lưu giữ và xử lý CTRCNTT:

+ CTRCNTT được thu gom và lưu chứa trong các dụng cụ chứa được bố trí trong khu chứa, với diện tích khoảng 2 m² nền bê tông, tường bao, mái che để lưu chứa.

+ CTRCNTT được phân loại thành loại có thể tái chế và loại không tái chế. Đối với loại có khả năng tái chế được thu gom vào 01 thùng chứa, được tận dụng lại. Đối với loại không thể tái chế được thu gom và lưu giữ trong khu vực chứa CTRCNTT và định kỳ bán lại cho các cơ sở thu mua phế liệu, tần suất 6 tháng/lần.

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Thành phần và khối lượng phát sinh: CTNH phát sinh tại cơ sở với thành phần bao gồm: bóng đèn hư hỏng, hộp mực in thải, dầu nhớt thải với khối lượng phát sinh được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 3.2: Thành phần và khối lượng phát sinh CTNH

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	1,0
2	Giẻ lau dính dầu, nhớt	Rắn	15 01 09	2,0
3	Dầu nhớt thải	Lỏng	15 02 05	720
Tổng cộng (1+2+3)				723

(Nguồn: Công ty TNHH Thương mại phát triển Phúc Vạn Lộc, 2023)

Biện pháp thu gom, lưu giữ và xử lý CTNH:

- Thu gom, lưu giữ CTNH trong các dụng cụ chứa và đặt trong khu chứa CTNH, khu chứa có diện tích khoảng 2 m², nền bê tông, có mái che.

- Bố trí 02 thùng chứa CTNH có nắp đậy, được dán nhãn để phân loại CTNH (01 thùng nhựa chứa bóng đèn hư hỏng; 01 thùng chứa giẻ lau dính dầu, nhớt), dầu nhớt thải được chủ cơ sở chứa vào trong các can nhựa có dung tích 30 lít.

- Biện pháp xử lý CTNH: CTNH được thu gom, phân loại và lưu giữ trong các dụng cụ chứa, dầu nhớt thải được chủ cơ sở hợp đồng mua bán với công ty có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý.

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động tiếng ồn

Nguồn phát sinh tiếng ồn tại cơ sở chủ yếu từ các phương tiện giao thông ra vào cơ sở và hoạt động bảo dưỡng xe tại cơ sở. Một số biện pháp giảm thiểu ảnh hưởng của tiếng ồn như sau:

- Khu vực của cơ sở có tường bao quanh nên hạn chế ảnh hưởng của tiếng ồn lan truyền đến khu vực xung quanh cơ sở;
- Các phương tiện vận chuyển ra vào cơ sở phải tắt máy trong thời gian chờ;
- Bố trí khu vực để xe hợp lý cho xe máy của khách hàng, công nhân viên, xe vận chuyển hàng hóa;
- Các phương tiện vận chuyển phải được định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng theo đúng quy định.
- Đảm bảo hoạt động trong khoảng thời gian từ 7h30 – 11h và 13h đến 17h hàng ngày, không hoạt động vào ban đêm.

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

3.6.1. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn lao động

- Tập huấn cho nhân viên về quy trình làm việc, an toàn lao động nhất là đối với nhân viên kỹ thuật bảo trì, bảo dưỡng;
- Định kỳ kiểm tra, bảo trì các thiết bị, phương tiện vận chuyển theo đúng quy định, đảm bảo các phương tiện vận chuyển luôn ở trong tình trạng hoạt động tốt nhất;
- Trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân theo quy định như: găng tay, nón, khẩu trang,...;
- Tham gia và đóng bảo hiểm đầy đủ cho công nhân viên theo đúng quy định của pháp luật.

3.6.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

- Tại cơ sở trang bị 4 bình PCCC cầm tay bố trí tại các khu vực có nguy cơ xảy ra sự cố cháy nổ;
- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì các máy móc thiết bị;
- Nghiêm cấm hút thuốc hoặc sử dụng các thiết bị phát lửa trong khu vực dễ cháy nổ;
- Bố trí các thiết bị sử dụng điện hợp lý, cầu dao điện tuân thủ các biện pháp an toàn về điện;
- Phối hợp với cơ quan có chức năng khi phát sinh sự cố cháy nổ, để được hướng dẫn kịp thời các biện pháp ứng phó và khắc phục sự cố.

CHƯƠNG IV**NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG****4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải**

- Nguồn phát sinh nước thải: 01 nguồn nước thải phát sinh từ hoạt động rửa xe tại cơ sở.
- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 1,29 m³/ngày.
- Dòng nước thải sau xử lý đề nghị cấp phép: 01 dòng nước thải nước rửa xe sau xử lý thoát ra cống thoát nước chung.
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải đề nghị cấp phép được trình bày theo bảng sau:

Bảng 4.1: Các chất ô nhiễm, giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải đề nghị cấp phép

Stt	Thông số	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT Cột B
1	pH	-	5,5 - 9
2	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100
3	COD	mg/l	150
4	BOD ₅	mg/l	50
5	Tổng Nito	mg/l	40
6	Tổng Photpho	mg/l	6
7	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
8	Coliform	MNP/100ml	5.000

(Nguồn: Công ty TNHH Thương mại phát triển Phúc Vạn Lộc)

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:
 - + Vị trí xả nước thải: tại cống thoát nước chung có tọa độ X= 1097711 và Y= 595029 (hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 105⁰30, múi chiều 3⁰);
 - + Phương thức xả nước thải: theo hình thức tự thấm;
 - + Chế độ xả thải: 8 giờ/ngày theo thời gian hoạt động của cơ sở;
 - + Nguồn tiếp nhận nước thải: cống thoát nước chung.

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn

- Nguồn phát sinh tiếng ồn: từ các phương tiện giao thông ra vào cơ sở và hoạt động bảo dưỡng xe của cơ sở.

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn theo QCVN 26:2010/BTNMT như sau:

Bảng 4.2: Giá trị giới hạn của tiếng ồn đề nghị cấp phép

Stt	Khu vực	Đơn vị	Giá trị giới hạn theo QCVN 26:2010/BTNMT
			Từ 6 giờ đến 21 giờ
1	Khu vực đặc biệt	dBA	55
2	Khu vực thông thường	dBA	70

(Nguồn: Công ty TNHH Thương mại phát triển Phúc Vạn Lộc, 2023)

CHƯƠNG V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Thành phần môi trường quan trắc của cơ sở

Để phù hợp cho việc đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường nền tại khu vực cơ sở trong quá trình lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, chủ cơ sở và đơn vị tư vấn đã kết hợp với đơn vị kiểm nghiệm là Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng (VIMCERTS 064) tiến hành đo đạc, lấy mẫu phân tích chất lượng môi trường tại khu vực cơ sở. Số lượng, địa điểm và vị trí thu mẫu môi trường tại cơ sở được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 5.1: Số lượng mẫu môi trường tại cơ sở

Stt	Tên mẫu	Đơn vị tính	Số lượng	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Hệ tọa độ VN-2000	
						X (m)	Y (m)
1	Nước thải	Mẫu	01	NT	Bể chứa nước thải rửa xe	1097711	595029
2	Môi trường không khí bên trong cơ sở	Mẫu	01	KK1	Khu vực chăm sóc ô tô	1097714	595028
3	Môi trường không khí xung quanh	Mẫu	01	KK2	Khu vực phía trước cơ sở, trên QL 53	1097707	595028

(Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp, 2023)

5.2. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo

- Kết quả phân tích các thông số môi trường nước thải tại cơ sở, được trình bày theo bảng dưới đây:

Bảng 5.2: Kết quả quan trắc môi trường nước thải

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT, cột B
1	Độ pH	-	6,56	5,5 - 9
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	58	100
3	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	28	50

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT, cột B
4	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	62	150
5	Tổng Nito (N)	mg/L	24,8	40
6	Tổng Photpho (P)	mg/L	3,58	6
7	Dầu mỡ khoáng	mg/L	7,27	10
8	Coliform	MPN/100ml	35 x 10 ²	5.000

(Nguồn: Trung tâm môi trường và sinh thái ứng dụng, 2023)

Ghi chú:

- **QCVN 40:2011/BTNMT - cột B:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

Nhận xét:

Qua kết quả quan trắc từ bảng trên cho thấy, các thông số quan trắc về chất lượng nước thải của cơ sở đều có giá trị nằm trong giới hạn cho theo QCVN 40:2011/BTNMT, cột B.

- Kết quả phân tích các thông số môi trường nền không khí khu vực bên trong và khu vực trước cơ sở, được trình bày theo các bảng dưới đây:

Bảng 5.3: Kết quả chất lượng môi trường nền không khí và tiếng ồn khu vực bên trong cơ sở

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 03:2019/BYT
1	Tiếng ồn	dBA	63,2	≤85 ⁽¹⁾
2	Bụi toàn phần	mg/m ³	0,237	4,0 ⁽²⁾
3	SO ₂	mg/m ³	0,068	5,0
4	NO ₂	mg/m ³	0,063	5,0
5	CO	mg/m ³	<10	20

(Nguồn: Trung tâm môi trường và sinh thái ứng dụng, 2023)

Ghi chú:

- (1) **Giá trị so sánh với QCVN 24:2016/BYT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

- (2) **QCVN 02:2019/BYT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

- **QCVN 03:2019/BYT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

Nhận xét:

Qua kết quả quan trắc từ bảng trên cho thấy, các thông số quan trắc về chất lượng môi trường không khí xung quanh và tiếng ồn khu vực bên trong cơ sở khá tốt. Các thông số quan trắc đều có giá trị nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 24:2016/BYT, QCVN 02:2019/BYT và QCVN 03:2019/BYT.

Bảng 5.4: Kết quả chất lượng môi trường nền không khí và tiếng ồn khu vực trước cổng cơ sở

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2013/BTNMT
1	Tiếng ồn	dB(A)	68,2	≤ 70 ⁽¹⁾
2	Bụi TSP	mg/m ³	0,182	0,3
3	SO ₂	mg/m ³	0,074	0,35
4	NO ₂	mg/m ³	0,065	0,2
5	CO	mg/m ³	<10	30

(Nguồn: Trung tâm môi trường và sinh thái ứng dụng, 2023)

Ghi chú:

- (1) **QCVN 26:2010/BTNMT** – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
- **QCVN 05:2013/BTNMT** – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh – Trung bình 1 giờ.

Nhận xét:

Qua kết quả quan trắc từ bảng trên cho thấy, hầu hết các thông số quan trắc về chất lượng môi trường không khí xung quanh và tiếng ồn khu vực trước cổng cơ sở khá tốt. Các thông số quan trắc đều có giá trị nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 05:2013/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT.

→ Nhìn chung, thành phần môi trường quan trắc tại cơ sở còn khá tốt, các thông số quan trắc môi trường nước thải của cơ sở đảm bảo theo QCVN 40:2011/BTNMT - cột B; môi trường không khí và tiếng ồn bên trong và trước cơ sở đảm bảo theo QCVN 24:2016/BTNMT; QCVN 03:2019/BYT; QCVN 02:2019/BYT; QCVN 05:2013/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT.

CHƯƠNG VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. Chương trình quan trắc chất thải

6.1.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Căn cứ vào nội dung đề nghị cấp phép, cơ sở có mức lưu lượng xả thải là 1,69 m³/ngày, nhỏ hơn nhiều so với mức lưu lượng theo quy định tại Khoản 2 Điều 111 của Luật Bảo vệ môi trường 2020, số thứ tự thứ 3 của Phụ lục XXVIII ban hành kèm theo Nghị Định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Công văn số 1118/STNMT-QLMT của sở TNMT ngày 17/4/2023 về việc phổ biến Công văn số 964/KSONMT-CN&NH của Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường về việc hướng dẫn thực hiện quan trắc định kỳ, quan trắc tự động, liên tục. Do đó, cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, định kỳ.

Chủ cơ sở đề xuất chương trình quan trắc nước thải định kỳ:

- Vị trí: 01 mẫu nước thải rửa xe sau xử lý (NT);
- Tần suất giám sát: 01 năm/lần;
- Thông số giám sát: pH, BOD₅, COD, Chất rắn lơ lửng, Tổng Nitơ, Tổng Phốt pho, Dầu mỡ khoáng, Coliform;
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B.

6.1.2. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ khác

Quan trắc môi trường không khí xung quanh và tiếng ồn:

- Vị trí giám sát: 01 vị trí trước cổng cơ sở (KK);
- Tần suất giám sát: 01 năm/lần;
- Thông số giám sát: Tiếng ồn, SO₂, NO₂, CO, TSP;
- Quy chuẩn so sánh:
 - + QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
 - + QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

6.2. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

- Kinh phí thực hiện môi trường hằng năm được trích từ nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cơ sở.
- Chi phí phân tích mẫu của cơ sở được thực hiện theo quyết định số 46/2018/QĐUBND tỉnh Trà Vinh về ban hành bảng giá các thông số quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh ngày 19 tháng 12 năm 2018.

Bảng 6.1. Chi phí quan trắc môi trường định kỳ hằng năm của cơ sở

Stt	Thông số quan trắc	Đơn vị tính	Tần suất/năm	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
I	Quan trắc không khí				2.259.649
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	Mẫu	01 lần	262.620	262.620
2	SO ₂	Mẫu	01 lần	895.978	895.978
3	NO ₂	Mẫu	01 lần	440.948	440.948
4	CO	Mẫu	01 lần	533.241	533.241
5	Tiếng ồn	Mẫu	01 lần	126.862	126.862
II	Quan trắc nước thải				2.577.052
1	pH	Mẫu	01 lần	63.567	63.567
2	Chất rắn lơ lửng	Mẫu	01 lần	219.403	219.403
3	BOD ₅	Mẫu	01 lần	184.232	184.232
4	COD	Mẫu	01 lần	195.775	195.775
5	Tổng Nitơ	Mẫu	01 lần	318.725	318.725
6	Tổng Photpho	Mẫu	01 lần	310.581	310.581
7	Dầu mỡ khoáng	Mẫu	01 lần	467.926	467.926
8	Coliform	Mẫu	01 lần	816.843	816.843
Tổng cộng					4.836.701

(Nguồn: Công ty TNHH thương mại phát triển Phúc Vạn Lộc, 2023)

CHƯƠNG VII

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

7.1. Kết quả kiểm tra công tác bảo vệ môi trường

Trong năm 2022, cơ sở có tiếp đón 01 đoàn kiểm tra của UBND huyện Châu Thành về việc chấp hành pháp luật BVMT. Theo kết luận trong Biên bản kiểm tra ngày 28/12/2022, cơ sở còn tồn tại một số nội dung liên quan đến công tác BVMT như sau:

- Cơ sở hiện đang hoạt động và chưa có hồ sơ về môi trường.
- Việc quản lý xử lý rác thải nguy hại chưa tuân thủ theo đúng quy định của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.
- Đất xây dựng chưa phù hợp với mục đích sử dụng.

7.2. Biện pháp khắc phục

Qua kết quả kiểm tra, chủ cơ sở tiến hành khắc phục những nội dung còn tồn tại như sau:

- Lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường cấp huyện gửi về UBND huyện Châu Thành xem xét và cấp phép theo quy định.
- Bố trí khu vực chứa CTNH, trang bị thùng chứa theo quy định của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.
- Xây dựng lộ trình và cam kết chuyển đổi mục đích sử dụng phần đất đã xây dựng chưa đúng với mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn.

CHƯƠNG VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Công ty TNHH thương mại phát triển Phúc Vạn Lộc cam kết:

- Chủ cơ sở cam kết về tính chính xác, trung thực của các số liệu, thông tin trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cơ sở;
- Chủ cơ sở cam kết sẽ nghiêm túc thực hiện theo các biện pháp xử lý chất thải, các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường như đã nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường;
- Cam kết chấp hành đúng theo các quy định về bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan;
- Chủ cơ sở cam kết sẽ nghiêm túc thực hiện các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu, xử lý ô nhiễm và các tác động xấu như đã nêu trong báo cáo này, đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo vệ môi trường. Đồng thời cam kết thực hiện đúng các quy định chung của các ngành, các cấp có thẩm quyền về bảo vệ môi trường có liên quan đến quá trình triển khai, thực hiện cơ sở, đặc biệt luôn có kế hoạch quản lý, giám sát thường xuyên các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường như đã nêu trong báo cáo;
- Chủ cơ sở cam kết chuyển đổi mục đích sử dụng đất để phù hợp với loại hình sản xuất của cơ sở theo đúng thời hạn đã cam kết, trường hợp không hoàn thành việc chuyển đổi mục đích sử dụng theo quy định chủ cơ sở chấp nhận hình thức rút giấy phép môi trường đã cấp và các hình thức xử lý vi phạm khác;
- Cam kết khi xảy ra sự cố môi trường, phải dừng các hoạt động, khắc phục sự cố và đền bù thiệt hại (nếu có);
- Cam kết bồi thường và khắc phục ô nhiễm môi trường theo đúng quy định trong trường hợp các sự cố, rủi ro môi trường xảy ra mà xác định nguyên nhân là do quá trình hoạt động của cơ sở;
- Chấp hành chế độ thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

PHẦN PHỤ LỤC

MỘT SỐ GIẤY TỜ, BẢN VẼ CÓ LIÊN QUAN KÈM THEO

PHẦN PHỤ LỤC 1

VĂN BẢN PHÁP LÝ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CƠ SỞ

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 2100653623

Đăng ký lần đầu, ngày 10 tháng 02 năm 2020

Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 17 tháng 06 năm 2022

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI PILAT TRIỂN
PHÚC VĂN LỘC**

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

*Số 31, QL 53, Ấp Chàng Mát, Xã Hòa Lợi, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh, Việt
Nam*

Điện thoại: *0982444715*

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ 2.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Hai tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: **NGUYỄN VĂN DÌNH**

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: *30/11/1958*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *084058000104*

Ngày cấp: *19/02/2021*

Nơi cấp: *Cục trưởng cục Cảnh sát QLHC về TTXH*

Địa chỉ thường trú: *Ấp Chàng Mát, Xã Hòa Lợi, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh,
Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Ấp Chàng Mát, Xã Hòa Lợi, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh, Việt
Nam*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

Họ và tên: NGUYỄN VĂN ĐÌNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch kiêm Giám đốc

Sinh ngày: 30/11/1958

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 084058000104

Ngày cấp: 19/02/2021

Nơi cấp: Cục trưởng Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Ấp Chăng Mát, Xã Hòa Lợi, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

Địa chỉ hiện tại: Ấp Chăng Mát, Xã Hòa Lợi, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam



TRƯỞNG PHÒNG

Lê Thanh Tuấn

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Chuyển mục đích sử dụng thành đất ở nông thôn, theo Quyết định số 193/QĐ-UBND, ngày 08/02/2012, số 29398.006477.CM.VP

Ngày 08/02/2012



Người sử dụng đất, thay đổi địa chỉ thường trú ở Khóm 1, thị trấn Duyên Hải, huyện Duyên Hải, xã Trà Vinh thành ấp Chàng Mát, xã Hòa Lợi, huyện Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, theo hồ sơ số: 063326.DT.00



Phạm Văn Sửu

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Nội dung năm sinh: 1959 có sai sót được đính chính năm sinh 1958 theo Biên bản kiểm tra ngày 03/6/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành

Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là GUYEN VAN DINH, sinh năm 1959, CMND số 30303010, địa chỉ: Khu 3, Khóm 3, Phường 7, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.



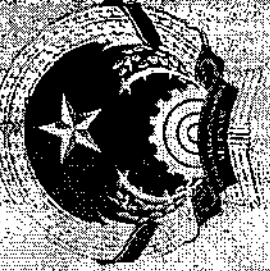
Ngày 03/6/2021

Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành



2939512016134

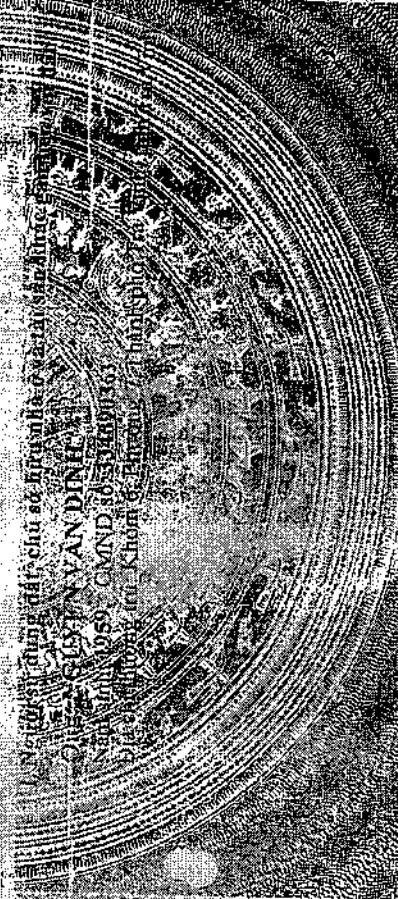
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT



11. Số số thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

- 1) Thửa đất:
 - a) Thửa đất số: 242
 - b) Địa chỉ: ấp Châu Mát, Xã Hòa Lợi, Huyện Châu Thành, Trà Vinh
 - c) Diện tích: 300 m² (Ba trăm chữ Ba trăm mét vuông)
 - d) Hình thức sử dụng: 300 m² chung
 - e) Mục đích sử dụng: Đất trồng cây hàng năm khác
 - f) Thời hạn sử dụng: Đất trồng cây hàng năm khác
- 2) Người gốc sử dụng: Công nhân QSDĐ

3. Công trình xây dựng khác: /
4. Ràng sào, xuất hiện trong trường hợp: /
5. Cây lâu năm: /
6. Ghi chú: Không



Số thửa đất	Tên thửa đất	Số thửa đất	Diện tích thửa đất
1	107775K3	Y	300,00
2	107775K3	Y	300,00
3	107775K3	Y	300,00
4	107775K3	Y	300,00
5	107775K3	Y	300,00

Châu Thành, ngày 04 tháng 01 năm 2012
 TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

KI CHỮ TỊCH
 PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Điều

IV. Những thay đổi sản khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi: /

Địa chỉ thường trú của chủ sử dụng có sự ghi, ghi rõ: Tỉnh Trà Vinh, Huyện Trà Vinh, Thị trấn Trà Vinh, theo hồ sơ số 293/95 006/68 SN.VP.V

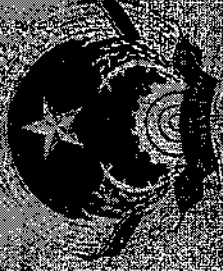
Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

12/01/2012



Trần Văn Điều

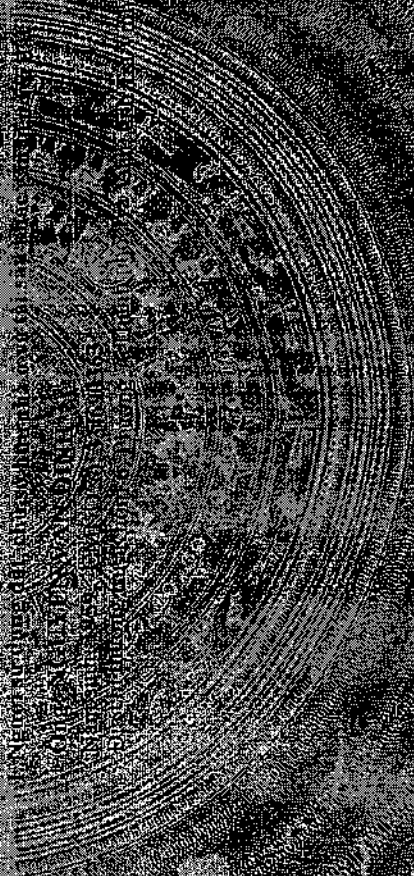
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ CỬA VÀ TÀI SẢN KHÁC GAN LIÊN VOI ĐẤT



Ngày cấp: 14 tháng 10 năm 2017

Ngày đăng ký lần đầu và có hiệu lực
Số đăng ký lần đầu: 19/59, có sai số được ghi chính
số: 19/58 theo biên bản kiểm tra ngày 12/5/2017
thành Văn phòng đăng ký đất đai và Văn phòng
địa chính tỉnh Thừa Thiên Huế

Nguyễn Văn Bình
19/59/2017/Đ

QUẬN HẢI PHONG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

SIAMDDC

Được nhận cùng đất đến ngày 14 tháng 10 năm 2017

19/59/2017/Đ

QUẬN HẢI PHONG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

SIAMDDC

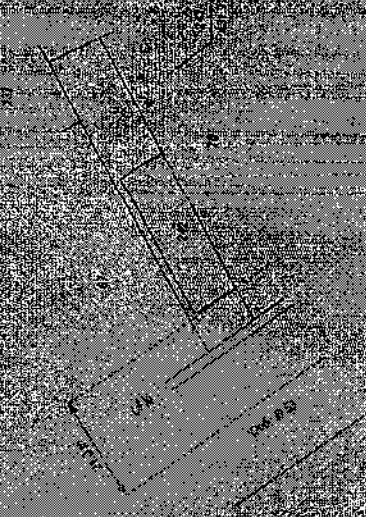
Ngày sử dụng và cấp: 06/10/2017, cùng minh nhận đất và
LAVIND 06/10/2017/Đ 6/684058000/109



19/59/2017/Đ
06/10/2017/Đ 6/684058000/109

1. Diện tích, chất lượng và tài sản khác gắn liền với đất

- 1. Diện tích: 243 m² (toàn bộ diện tích)
- a) Diện tích đất: 243 m² (toàn bộ diện tích)
- b) Diện tích sân chơi: 131,9 m² (toàn bộ diện tích)
- c) Diện tích đất trồng: 111,1 m² (toàn bộ diện tích)
- d) Diện tích đất xây dựng: 111,1 m² (toàn bộ diện tích)
- e) Diện tích đất xây dựng: 111,1 m² (toàn bộ diện tích)
- f) Diện tích đất xây dựng: 111,1 m² (toàn bộ diện tích)
- g) Diện tích đất xây dựng: 111,1 m² (toàn bộ diện tích)
- h) Diện tích đất xây dựng: 111,1 m² (toàn bộ diện tích)
- i) Diện tích đất xây dựng: 111,1 m² (toàn bộ diện tích)
- j) Diện tích đất xây dựng: 111,1 m² (toàn bộ diện tích)
- k) Diện tích đất xây dựng: 111,1 m² (toàn bộ diện tích)
- l) Diện tích đất xây dựng: 111,1 m² (toàn bộ diện tích)
- m) Diện tích đất xây dựng: 111,1 m² (toàn bộ diện tích)
- n) Diện tích đất xây dựng: 111,1 m² (toàn bộ diện tích)
- o) Diện tích đất xây dựng: 111,1 m² (toàn bộ diện tích)
- p) Diện tích đất xây dựng: 111,1 m² (toàn bộ diện tích)
- q) Diện tích đất xây dựng: 111,1 m² (toàn bộ diện tích)
- r) Diện tích đất xây dựng: 111,1 m² (toàn bộ diện tích)
- s) Diện tích đất xây dựng: 111,1 m² (toàn bộ diện tích)
- t) Diện tích đất xây dựng: 111,1 m² (toàn bộ diện tích)
- u) Diện tích đất xây dựng: 111,1 m² (toàn bộ diện tích)
- v) Diện tích đất xây dựng: 111,1 m² (toàn bộ diện tích)
- w) Diện tích đất xây dựng: 111,1 m² (toàn bộ diện tích)
- x) Diện tích đất xây dựng: 111,1 m² (toàn bộ diện tích)
- y) Diện tích đất xây dựng: 111,1 m² (toàn bộ diện tích)
- z) Diện tích đất xây dựng: 111,1 m² (toàn bộ diện tích)



Tỷ lệ: 1/1000

IV. Những thay đổi khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Người sử dụng đất thay đổi địa chỉ của thửa đất từ địa chỉ cũ là: Xã Hòa Bình, Huyện Châu Thành, Tỉnh Vĩnh Long, thành phố Châu Mỹ, xã Hòa Bình, huyện Trà Vinh, theo hồ sơ số 165/36-2007/ST-ĐB.

KI CHU TỊCH



Đỗ Văn Điều

Số vào sổ cấp Giấy Chứng Nhận: 01/00-2005

Châu Thành, ngày 28 tháng 12 năm 2022

BIÊN BẢN

Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của dự án đầu tư/cơ sở

Đoàn kiểm tra được thành lập theo Quyết định số 3183/QĐ-UBND ngày 25/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về việc thành lập Đoàn kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện Châu Thành tiến hành kiểm tra thực tế tại dự án/cơ sở: Công ty TNHH Thủy Lợi Phát Triển

phần xây dựng

- Thời gian: từ 14 giờ 30 phút, ngày 28 tháng 12 năm 2022

- Địa điểm: Ấp Chanh Mọt, xã Hòa Lợi

I. Thành phần Đoàn kiểm tra:

1.1. Thành viên có mặt:

Ông/bà: Nguyễn Trọng Khâm Chức danh: Chủ tịch Đoàn

Ông/bà: Nguyễn Quốc Chính Chức danh: Thành viên thứ 1

Ông/bà: Nguyễn Thanh Phong Chức danh: Thành viên

Ông/bà: Nguyễn Xuân Hoàn Chức danh: Thành viên

Ông/bà: Nguyễn Văn Quý Chức danh: Phó B.D.áp

Ông/bà: Chức danh:

Ông/bà: Chức danh:

Ông/bà: Chức danh:

1.2. Thành viên vắng mặt:

Ông/bà: Lê Hòa Nam Chức danh: Thành viên

Lý do vắng mặt:

Ông/bà: Chức danh:

Lý do vắng mặt:

II. Đại diện chủ dự án/cơ sở:

Ông Nguyễn Huỳnh Đức - Chủ tịch Công ty



- Với sự tham gia của:

Trên cơ sở kết quả kiểm tra, kết quả trao đổi, thảo luận giữa các thành viên Đoàn kiểm tra và giữa thành viên Đoàn kiểm tra với chủ dự án/cơ sở, các bên thống nhất các nội dung sau:

III. Kết quả kiểm tra:

1. Thông tin dự án/cơ sở:

Tên chủ dự án: Nguyễn Văn Đình

Địa chỉ trụ sở: TP. Chuỳ Mỹ, Hòa Lữ

SĐT liên hệ chủ dự án/chủ cơ sở: 08.78.190190 - (anh Đức)

Tổng mức đầu tư: 02 tỷ đồng

Loại hình hoạt động: Chẩn đoán

Quy mô, công suất: 10 lượt khám/y

Công nghệ sản xuất của cơ sở:

..... Cơ sở đang hoạt động

Diện tích đất sử dụng: m², số thửa, tờ bản đồ

Hình thức (thuê/đất nhà): Đất nhà

Số lượng công nhân hiện tại: 05 người

Tình trạng hoạt động của cơ sở:

+ Chưa hoạt động, đang thi công xây dựng:

+ Đang hoạt động: ✓

Thời gian vào hoạt động: từ tháng ... 01 ... năm 2021 ... đến nay.

2. Xử lý nước thải:

Nước mưa chảy tràn (có hay không có thu gom vào hệ thống thu gom): Thu gom vào bể, ống thu gom

Nước thải sinh hoạt:

Tổng lượng phát sinh: 1,8 m³/ngày đêm; biện pháp xử lý (có hay không có qua hầm tự hoại?): Có hầm; thể tích hầm tự hoại: 3 m³. Định kỳ thuê hút hầm hay có điếm ra ra nguồn tiếp nhận nước thải: Nhà Uyển Thuê Cầu Trầm

Nước thải sản xuất (nếu có):

Tổng lượng phát sinh:m³/ngày.đêm; biện pháp xử lý (có hay không có xử lý):.....; công suất hệ thống/công trình xử lý nước thải:m³/ngày.đêm. Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải:.....

Nguồn tiếp nhận nước thải:

3. Xử lý bụi, khí thải (nếu có):

Bụi:*phóng bụi vào môi trường*.....

Khói, khí thải:*đi phóng bụi vào chậu bể, xả vào bể 6°*.....

Mùi hôi:*Xử lý qua ống hút bụi*.....

4. Tiếng ồn, độ rung (nếu có):

Nguồn phát sinh:

Xử lý/giảm thiểu:

Hoạt động ban đêm (có hay không có):

Thời gian hoạt động trong ngày:*đi 7h30 - 17h*.....

5. Thiết bị xử lý, lưu giữ chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt:

Lượng phát sinh :*0.2*.....kg/ngày. Biện pháp xử lý (có hay không có hợp đồng với đơn vị chức năng xử lý theo quy định):*thực địa, khu gom, xử lý qua ống hút*.....

- Chất thải rắn công nghiệp:

Lượng phát sinh :kg/ngày. Biện pháp xử lý (có hay không có hợp đồng với đơn vị chức năng xử lý theo quy định):

6. Thiết bị lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

Chủng loại: Bóng đèn thải /dầu thải /pin thải / mạch điện tử /khác.

Lượng phát sinh :*0.0*.....kg/ngày. Biện pháp xử lý (có hay không có hợp đồng với đơn vị chức năng xử lý theo quy định):*thực địa, xả, cất, và*.....

bán cho đơn vị thu gom.....

Kho lưu giữ (có hay không có):Diện tích:m²

7. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có):

không.....

IV. Ý kiến của các thành viên tham gia Đoàn kiểm tra:

ÔNG
GUYỄN
TÁ
TRƯỜNG
NH. T. T.

V. Kết luận:

Theo quy định Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Luật Đầu tư công 2019, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ TN-MT, xác định dự án/cơ sở thuộc hay không thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường cấp huyện.

Dự án thuộc đối tượng cấp giấy phép môi trường theo quy định

Dự án/cơ sở thuộc hay không thuộc đăng ký môi trường tại UBND cấp xã:

Các yêu cầu về bảo vệ môi trường tại dự án/cơ sở:

*Đã thi công có hồ sơ hiện tại một dự án
hợp báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
cấp huyện theo quy định trong báo cáo lập
thi công lập báo cáo hiện tại
Quản lý, xử lý rác thải nguy hại (dầu nhớt
thải, sơn thừa, pin thải, ...) theo quy định
không bán, cho thuê lại
Lắp đặt hệ thống xử lý nước thải đạt chuẩn
kỹ thuật môi trường, đã chôn*

VI. Ý kiến của chủ dự án/cơ sở:

Thỏa nhất hiện tại

Biên bản được lập vào hồi 13 giờ 00 phút cùng ngày, đã được đọc cho những người tham dự cùng nghe và thống nhất ký tên biên bản. Biên bản được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, Đoàn kiểm tra giữ 01 bản, chủ dự án/cơ sở giữ 01 bản để thực hiện./.

**ĐẠI DIỆN CHỦ DỰ ÁN/
CƠ SỞ**

Nguyễn Huỳnh Thảo

Đinh Văn Việt

THỦ KÝ ĐOÀN

Nguyễn Quốc Chính

THÀNH VIÊN THAM GIA

Nguyễn Mạnh Khoa

TRƯỞNG ĐOÀN



Nguyễn Quốc Chính

Nguyễn Văn Đình

PHẦN PHỤ LỤC 2

KẾT QUẢ QTMT THỜI ĐIỂM LẬP BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GPMT



BIÊN BẢN THU NHẬN MẪU

Hôm nay, vào lúc 13h... ngày 23/02/2023, tại Cơ Sở.....

Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng tiến hành lấy mẫu để kiểm tra đánh giá.

Đơn vị giám sát:

Đơn vị yêu cầu: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI PHÁT TRIỂN PHÚC VẠN LỘC

Tên dự án: CƠ SỞ SỬA CHỮA Ô TÔ PHÚC VẠN LỘC

Địa chỉ lấy mẫu: Ấp Chăng Mật, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

Mã số thuế:ĐT.....Ngành nghề:

I. Đại diện đơn vị lấy mẫu:

Ông (Bà) Trần Thanh Tân

Chức vụ: Nhân viên quan trắc

Ông (Bà) Võ Khâm Lợi

Chức vụ: Nhân viên quan trắc

II. Đại diện đơn vị yêu cầu:

Ông (Bà) Trần Lê Mỹ Liên..... Chức vụ: Nhân viên.....

III. Đại diện đơn vị giám sát:

Ông (Bà) Mã Hữu Phước..... Chức vụ:

Ông (Bà)..... Chức vụ:

IV. Số biên bản thành lập: 02, bản có chữ ký xác nhận của các bên tham gia.

V. Điều kiện lấy mẫu: Cơ sở hoạt động bình thường.....

❖ Kết quả lấy mẫu:

TT	Loại mẫu	Ký hiệu	Vị trí lấy mẫu	Thời gian	Chỉ tiêu phân tích	Tọa độ
01	Chất lượng không khí	KK1	Khu vực Chậu số 06		Tiếng ồn, Bụi toàn phần, SO ₂ , NO ₂ , CO	
02	Chất lượng không khí	KK2	Phân nước cơ sở Trên QL 53		Tiếng ồn, TSP, SO ₂ , NO ₂ , CO	
03	Chất lượng nước thải	NT	Bể chứa nước thải sửa xe		pH, TSS, COD, BOD ₅ , Tổng N, Tổng P, Dầu mỡ khoáng, Coliform	

Đại diện đơn vị yêu cầu

Đại diện đơn vị giám sát

Đại diện đơn vị lấy mẫu

Trần Lê Mỹ Liên

Mã Hữu Phước

Võ Khâm Lợi

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 286/02-23

Mã mẫu: 2302NT297 (049/02-23) Trang: 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI PHÁT TRIỂN PHÚC VẠN LỘC
Tên dự án : CƠ SỞ SỬA CHỮA Ô TÔ PHÚC VẠN LỘC
Địa chỉ lấy mẫu : Ấp Chăng Mật, xã Hoà Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
Ngày lấy (nhận) mẫu : 23/02/2023 **Ngày trả kết quả**: 02/03/2023
Thời gian lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả
Loại mẫu : Nước thải
Mô tả mẫu : Nước trong
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, các hoạt động diễn ra bình thường
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : lấy tại hồ thu nước thải

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả
1	Độ pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	6,56
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	58
3	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅) ^(a)	mgO ₂ /L	TCVN 6001-1:2008	28
4	Nhu cầu Oxy hoá học (COD) ^(a)	mgO ₂ /L	SMEWW 5220C:2017	62
5	Tổng Nito (N) ^(a)	mg/L	TCVN 6638:2000	24,8
6	Tổng Photpho (P) ^(a)	mg/L	TCVN 6202:2008	3,58
7	Dầu mỡ khoáng ^(a)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	7,27
8	Coliform ^(a)	MPN/100mL	TC TCVN 6187-2:1996	35 x 10 ²

Ghi Chú:

KPH: Không phát hiện (<MDL)

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận

(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận

(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

PHÒNG THÍ NGHIỆM
Trưởng phòng



PHẠM THANH TOÀN

KT.GIÁM ĐỐC
Phó Giám Đốc



HOÀNG VĂN TÍN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 287/02-23

Mã mẫu: 2302KK298-2302KK299 (049/02-23) Trang: 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI PHÁT TRIỂN PHÚC VẠN LỘC
Tên dự án : CƠ SỞ SỬA CHỮA Ô TÔ PHÚC VẠN LỘC
Địa chỉ lấy mẫu : Ấp Chăng Mật, xã Hoà Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
Ngày lấy (nhận) mẫu : 23/02/2023 **Ngày trả kết quả**: 02/03/2023
Thời gian lưu mẫu : Không lưu
Loại mẫu : Chất lượng không khí và tiếng ồn
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, các hoạt động diễn ra bình thường
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : **KK1** khu vực bên trong cơ sở
: **KK2** khu vực bên ngoài cơ sở

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả	
				KK1	KK2
1	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2010	63,2	68,2
2	Bụi toàn phần	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,237	-
3	Bụi TSP ^(a)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	-	0,182
4	SO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,068	0,074
5	NO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,063	0,065
6	CO ^(a)	mg/m ³	HD-TMBQK 01	<10	<10

Ghi Chú:

KPH: Không phát hiện (<MDL)

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận

(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận

(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

PHÒNG THÍ NGHIỆM
Trưởng phòng



PHẠM THANH TOÀN

KT.GIÁM ĐỐC
Phó Giám Đốc



HOÀNG VĂN TÍN

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1061 /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 28 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện
hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 19/2015/TT-BTNMT ngày 23 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc thẩm định điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và mẫu giấy chứng nhận;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 796/QĐ-BTNMT ngày 27 tháng 3 năm 2020 về việc ban hành Quy trình thi điểm liên thông giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực quan trắc môi trường thuộc thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Hồ sơ đề nghị thực hiện quy trình thủ tục liên thông giải quyết thủ tục cấp Giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường và thủ tục cấp Giấy Chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường của Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng;



Căn cứ kết quả thẩm định của Tổng cục Môi trường về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đối với Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chứng nhận “Trung Tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng”, địa chỉ tại số 76/19 Tây Hòa, phường Phước Long A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, đã đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường (số đăng ký 064/TN-QTMT) theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (mã số VIMCERTS 064) theo quy định tại Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (các Giấy chứng nhận kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Thông tin chi tiết về lĩnh vực và phạm vi chứng nhận tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng phải thực hiện đầy đủ quy định về chứng nhận theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp, Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực ba năm kể từ ngày ký.

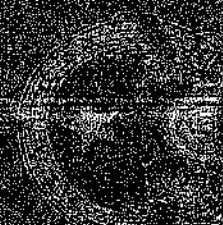
Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường, Chánh Văn phòng Bộ và Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Sở TN&MT Tp. Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT, QLQL(12).



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐẠI HỘI KHU HOA BẮC

ĐIỂM (QUẬN) HÀ NỘI TRUNG

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ

ỦY BAN SỬ DỤNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Ủy ban SỬ DỤNG GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐẠI HỘI KHU HOA BẮC
ĐIỂM (QUẬN) HÀ NỘI TRUNG

Chức vụ và họ tên người đại diện
ĐẠI HỘI KHU HOA BẮC
ĐIỂM (QUẬN) HÀ NỘI TRUNG

Chức vụ và họ tên người đại diện
ĐẠI HỘI KHU HOA BẮC
ĐIỂM (QUẬN) HÀ NỘI TRUNG

Chức vụ và họ tên người đại diện
ĐẠI HỘI KHU HOA BẮC
ĐIỂM (QUẬN) HÀ NỘI TRUNG

Chức vụ và họ tên người đại diện
ĐẠI HỘI KHU HOA BẮC
ĐIỂM (QUẬN) HÀ NỘI TRUNG

Chức vụ và họ tên người đại diện
ĐẠI HỘI KHU HOA BẮC
ĐIỂM (QUẬN) HÀ NỘI TRUNG

Chức vụ và họ tên người đại diện
ĐẠI HỘI KHU HOA BẮC
ĐIỂM (QUẬN) HÀ NỘI TRUNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CHỨNG NHẬN

ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRÁC MÔI TRƯỜNG

Số hiệu: VIMCERTS 064
(Cấp lần 4)

Tên tổ chức:

Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng

Tại số chủ nhà: Số 76/19 Tây Hòa, phường Phước Long A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Số 76/19 Tây Hòa, phường Phước Long A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định số: 1061/QĐ-BTNMT ngày 23 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thí nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường

Người đứng đầu tổ chức:

Họ và tên: Hoàng Văn Tùng, Chức vụ: Giám đốc

Căn cước công dân số: 060073000063

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Ngày cấp: 15 tháng 5 năm 2017

Thời hạn của Giấy chứng nhận: Ba (03) năm

Kết từ ngày ký đến hết ngày 27 tháng 5 năm 2024

LĨNH VỰC VÀ PHẠM VI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

I. LOẠI QUAN TRÁC HIỆN TRƯỜNG

- Nước:
 - Nước mặt và hệ dẫn: Lấy mẫu: 04 tháng số
 - Nước đất: Lấy mẫu: 01 tháng số
 - Nước dưới đất: Lấy mẫu: 01 tháng số
 - Nước ngầm: Lấy mẫu: 01 tháng số
 - Nước biển: Lấy mẫu: 01 tháng số
- KHÍ:
 - Không khí xung quanh: Lấy mẫu: 26 tháng số
 - Khí thải: Lấy mẫu: 01 tháng số
- Bất:
 - Trầm tích: Lấy mẫu: 01 tháng số
- Bùn: Lấy mẫu: 01 tháng số
- Chất thải rắn: Lấy mẫu: 01 tháng số

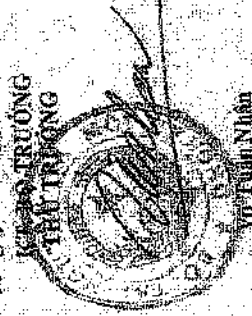
II. PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

- Nước:
 - Nước mặt và hệ dẫn: 28 tháng số
 - Nước đất: 28 tháng số
 - Nước dưới đất: 26 tháng số
 - Nước ngầm: 26 tháng số
 - Nước biển: 04 tháng số
- KHÍ:
 - Không khí xung quanh: 01 tháng số
- Bất: 08 tháng số
- Trầm tích: 03 tháng số
- Bùn: 05 tháng số

(Chi tiết phương pháp thử, giới hạn phát hiện của các thông số được chứng nhận kèm theo Quyết định số: 1061/QĐ-BTNMT ngày 23 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

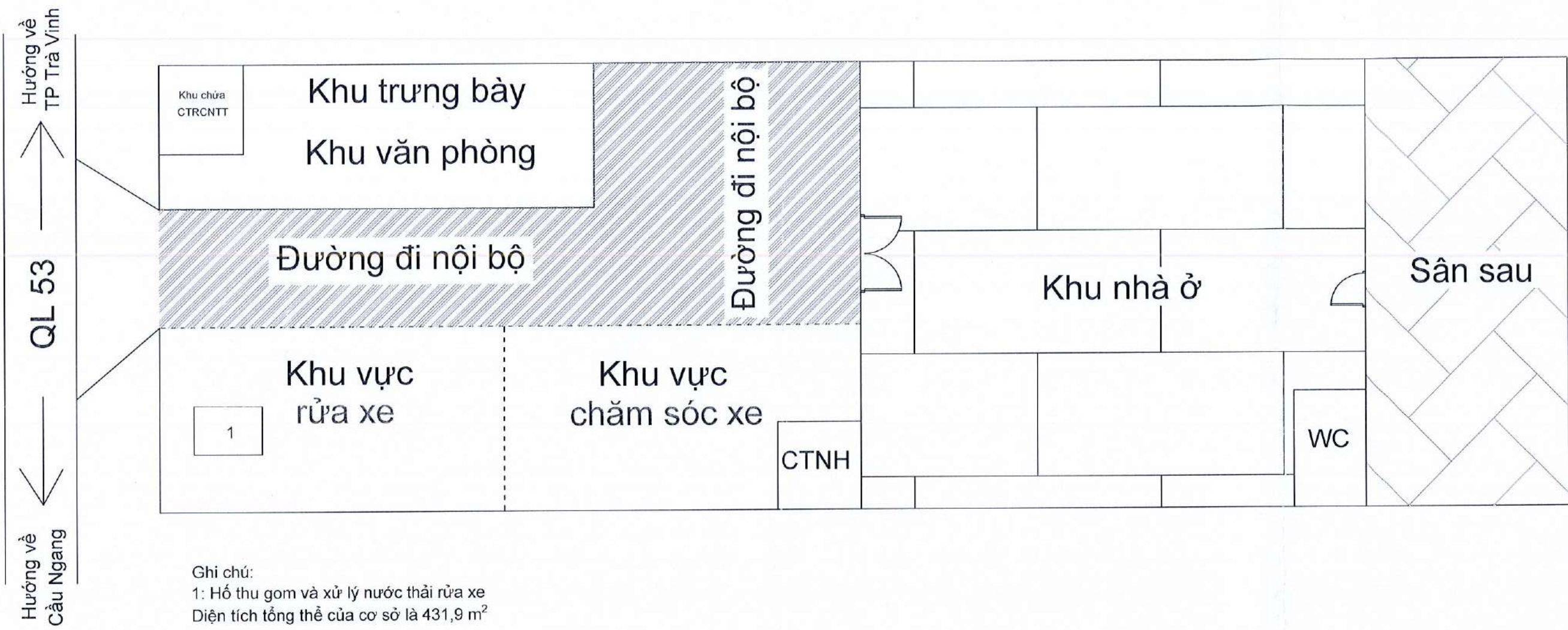
Hà Nội, ngày 28 tháng 5 năm 2024.

K. PH. TRƯỞNG
T. TH. TRƯỞNG



PHẦN PHỤ LỤC 3

MỘT SỐ BẢN VẼ CÓ LIÊN QUAN



	HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	DIỆN TÍCH	TỶ LỆ
1	Khu vực rửa xe + bảo dưỡng xe	81 m ²	19 %
2	Khu vực trưng bày + văn phòng	48 m ²	11 %
3	Khu nhà ở	126 m ²	29 %
4	Đường giao thông nội bộ + đất trống	167,54 m ²	38,8 %
5	Nhà vệ sinh	3 m ²	0,7 %
6	Khu chứa CTRCNTT	2 m ²	0,46 %
7	Khu chứa CTNH	2 m ²	0,46 %
8	Hệ thống xử lý nước thải rửa xe	2,36 m ²	0,55 %

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI PHÁT TRIỂN PHÚC VẠN LỘC
TÊN CƠ SỞ: CƠ SỞ CHĂM SÓC Ô TÔ PHÚC VẠN LỘC

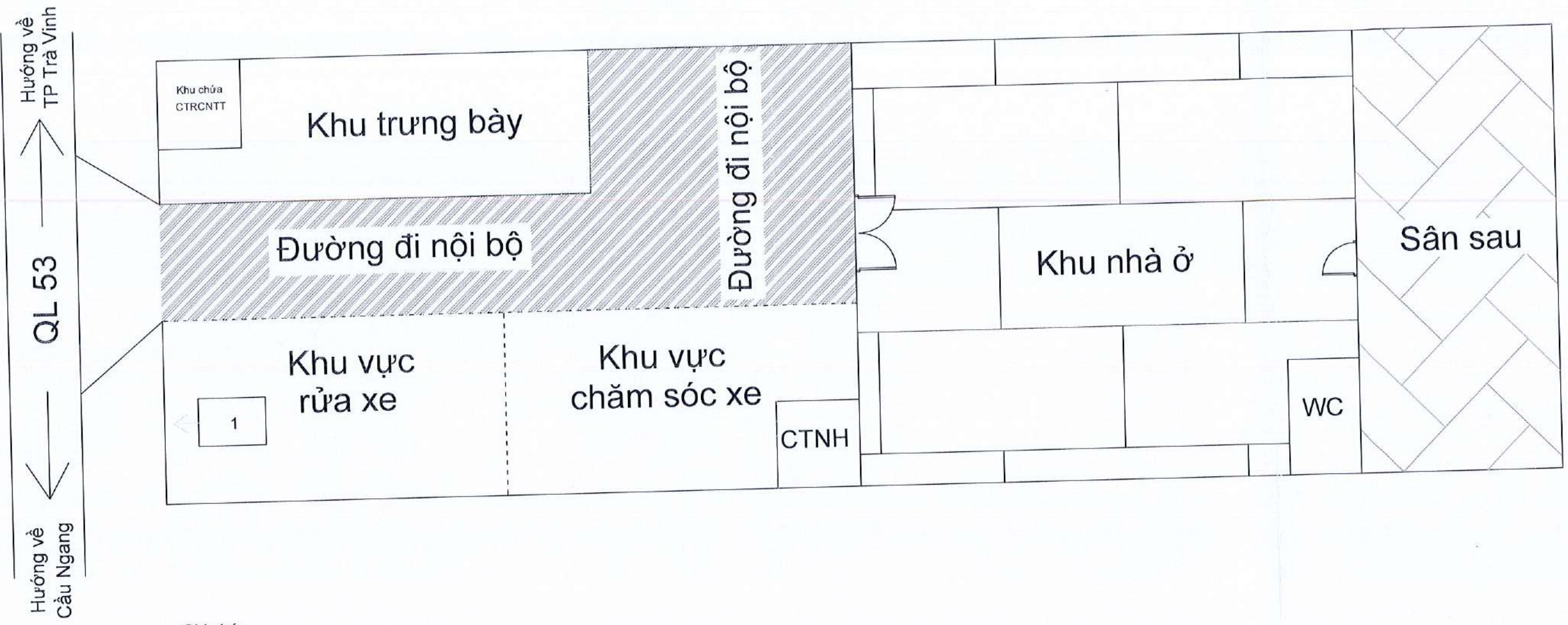
Tên bản vẽ: Mặt bằng tổng thể của cơ sở

Số bản vẽ: 01

Tỷ lệ: 1:200

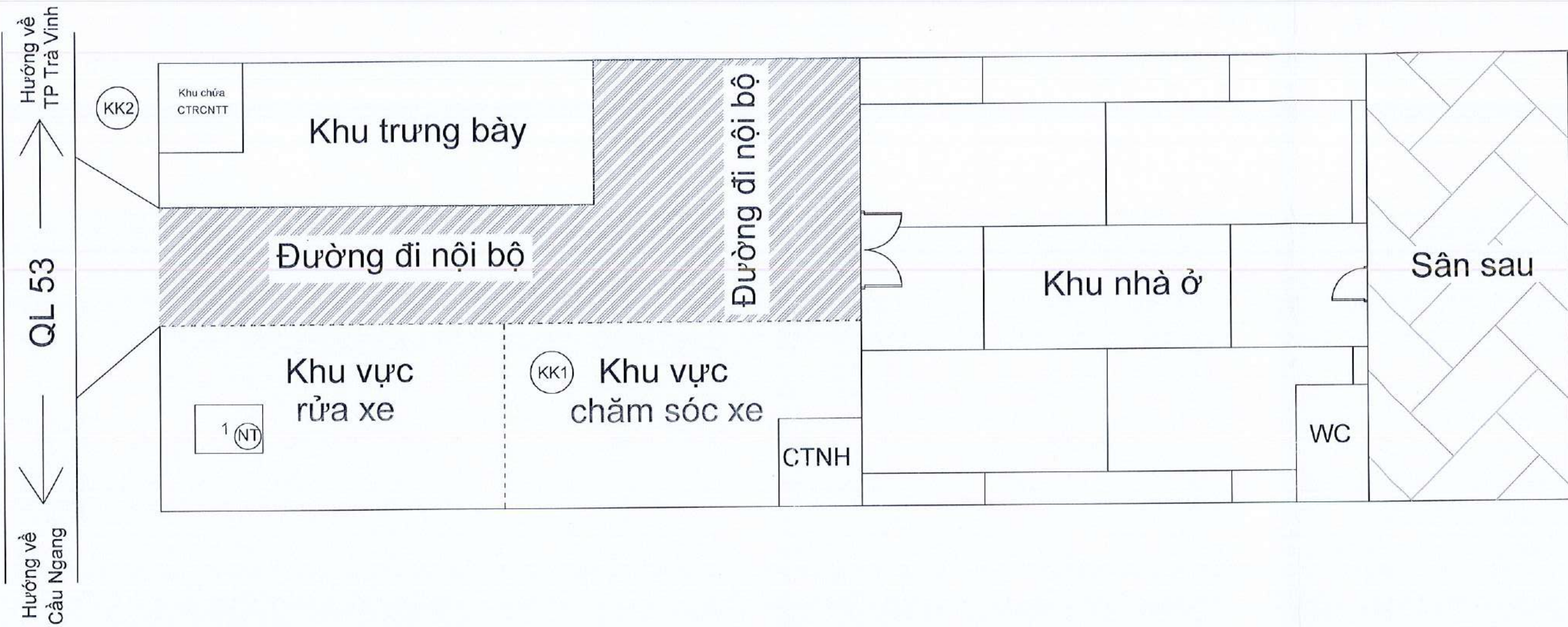
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI PHÁT TRIỂN PHÚC VẠN LỘC
M.S.D.N: 210063362-CT TNHH
H. CHÂU THÀNH - T. TRÀ VINH

Nguyễn Văn Đình



Ghi chú:
 1: Hồ thu gom và xử lý nước thải rửa xe
 ← Đường thoát nước thải rửa xe, thoát ra cống thoát nước công cộng trên QL 53
 Diện tích tổng thể của cơ sở là 431,9 m²

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI PHÁT TRIỂN PHÚC VẠN LỘC TÊN CƠ SỞ: CƠ SỞ CHĂM SÓC Ô TÔ PHÚC VẠN LỘC	
Tên bản vẽ: Mặt bằng thoát nước của cơ sở	
Số bản vẽ: 02	
Tỷ lệ: 1:200	

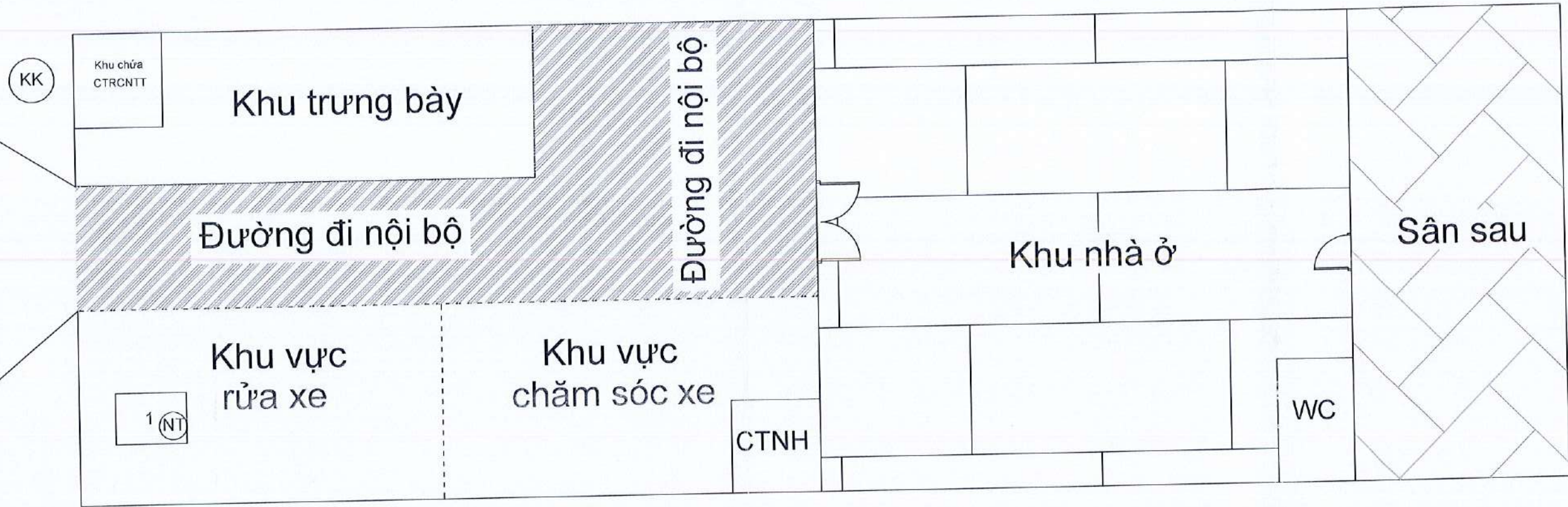


Ghi chú:

- 1: Hồ thu gom và xử lý nước thải rửa xe
 - NT: Vị trí thu mẫu nước thải
 - KK1: Vị trí thu mẫu không khí bên trong cơ sở
 - KK2: Vị trí thu mẫu không khí trước cổng cơ sở (trên Quốc lộ 53)
- Diện tích tổng thể của cơ sở là 431,9 m²

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI PHÁT TRIỂN PHÚC VẠN LỘC TÊN CƠ SỞ: CƠ SỞ CHĂM SÓC Ô TÔ PHÚC VẠN LỘC	
Tên bản vẽ: Sơ đồ vị trí thu mẫu quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo	
Số bản vẽ: 03	
Tỷ lệ: 1:200	

Hướng về TP Trà Vinh
 QL 53
 Hướng về Cầu Ngang



Ghi chú:
 1: Hồ thu gom và xử lý nước thải rửa xe
 KK: Vị trí thu mẫu tiếng ồn và không khí xung quanh định kỳ của cơ sở
 NT: Vị trí thu mẫu nước thải định kỳ của cơ sở
 Diện tích tổng thể của cơ sở là 431,9 m²

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI PHÁT TRIỂN PHÚC VẠN LỘC TÊN CƠ SỞ: CƠ SỞ CHĂM SÓC Ô TÔ PHÚC VẠN LỘC	
Tên bản vẽ: Sơ đồ vị trí quan trắc của cơ sở	
Số bản vẽ: 04	
Tỷ lệ: 1:200	